

CHƯƠNG 4. CHẤT MA TÚY THỂ HỆ MỚI

Bạn có bao giờ nghe về "**chất ma túy thể hệ mới**"? Đây không chỉ là những hợp chất thông thường mà là những "con quái vật" hóa học được thiết kế trong phòng thí nghiệm với mục tiêu mô phỏng – thậm chí khuếch đại – tác dụng của các loại ma túy truyền thống như cần sa, thuốc lắc, hay heroin. Nhưng đằng sau lớp vỏ bọc tưởng chừng vô hại, những chất này lại ẩn chứa **mối đe dọa khôn lường** cho sức khỏe và cuộc sống của người dùng.

🔍 Nguồn Gốc Bí Ẩn Và Nguy Hiểm

Các chất ma túy thể hệ mới, còn được gọi là "**chất hướng thần mới**" (NPS), lần đầu tiên xuất hiện với mục đích y học hoặc nghiên cứu. Tuy nhiên, chúng đã nhanh chóng bị "biến tướng" và đưa vào thị trường chợ đen với mục tiêu lách luật và qua mắt các cơ quan chức năng. Những hợp chất này liên tục thay đổi cấu trúc hóa học, biến chúng thành các "con tắc kè" không dễ kiểm soát, gây khó khăn cho cả người dùng lẫn các chuyên gia y tế.

1. Một số nhóm chất ma túy thể hệ mới

1.1. Nhóm Cần Sa Tổng Hợp (Synthetic Cannabinoids)

- **K2/Spice**: Là loại cần sa tổng hợp nổi tiếng nhất, thường được bán dưới dạng "cỏ Mỹ". Đây là các hợp chất hóa học được phun lên thực vật khô để hút giống như cần sa tự nhiên.
- **AM-2201, JWH-018, JWH-073**: Các hợp chất gắn vào thụ thể cannabinoid trong não, gây hiệu ứng tương tự như THC nhưng mạnh hơn, thường gây ra các tác dụng phụ nguy hiểm như hoang tưởng và ảo giác mạnh.
- **FUB-144, MDMB-CHMICA, AB-FUBINACA**: Các biến thể mới hơn trong nhóm này có khả năng gây ra tình trạng sốc, co giật, thậm chí tử vong.

1.2. Nhóm Chất Kích Thích (Synthetic Cathinones)

- **"Muối Tắm" (Bath Salts)**: Đây là tên gọi thông dụng cho các loại cathinone tổng hợp, thường gây ra cảm giác phấn khích và hưng phấn tột độ.
- **MDPV (Methylenedioxypyrovalerone)**: Có tác dụng tương tự như methamphetamine, gây kích thích mạnh mẽ và có thể dẫn đến ảo giác.

- **α -PVP (Flakka)**: Một loại cathinone rất phổ biến, gây ra các hành vi bạo lực, hoang tưởng và hành động kỳ quái.
- **Mephedrone, Methcathinone, 4-MMC**: Các chất này được tạo ra để tạo hiệu ứng kích thích, tương tự như thuốc lắc và cocaine nhưng dễ gây nghiện và có nhiều tác dụng phụ nghiêm trọng.

1.3. Nhóm Chất Tạo Ảo Giác (Synthetic Hallucinogens)

- **NBOMe (25I-NBOMe, 25C-NBOMe, 25B-NBOMe)**: Đây là các chất ảo giác mạnh, gây ra ảo giác tương tự như LSD nhưng với cường độ mạnh hơn, dễ gây ra các phản ứng loạn thần và có nguy cơ tử vong.
- **2C-B, 2C-I, 2C-E**: Các hợp chất phenethylamine này gây ra ảo giác tương tự như mescaline, có thể tạo ra trải nghiệm tâm linh nhưng cũng dẫn đến các tác dụng phụ về tâm lý.
- **Bromo-DragonFLY**: Một loại chất cực mạnh có tác dụng kéo dài từ 1 đến 3 ngày, dễ gây ra các phản ứng nghiêm trọng như rối loạn tâm thần và suy tim.

1.4. Nhóm Thuốc Phiện Tổng Hợp (Synthetic Opioids)

- **Fentanyl và các dẫn xuất (Carfentanil, Acetylfentanyl, Furanylfentanyl)**: Là các chất opioid cực mạnh, gây ra hàng loạt các vụ tử vong do quá liều. Chỉ cần một lượng rất nhỏ cũng có thể gây ngưng thở và tử vong.
- **U-47700**: Còn gọi là "Pink", một chất opioid tổng hợp mạnh gấp 7 lần morphine, gây ra tình trạng quá liều và tử vong ngay cả khi dùng liều nhỏ.
- **AH-7921**: Một loại opioid tổng hợp gây ức chế hô hấp mạnh, dễ gây tử vong khi sử dụng không đúng cách.

1.5. Nhóm Benzodiazepine Tổng Hợp (Designer Benzodiazepines)

- **Etizolam**: Một loại thuốc an thần không được cấp phép tại nhiều nước nhưng rất dễ tiếp cận trên chợ đen. Có tác dụng tương tự như diazepam (Valium) nhưng mạnh hơn, dễ gây nghiện và mất kiểm soát hành vi.
- **Flubromazolam, Clonazolam, Diclazepam**: Các chất này có tác dụng an thần mạnh mẽ, dễ gây tình trạng mất trí nhớ tạm thời, phụ thuộc và gây nghiện mạnh.

- **Phenazepam:** Một loại benzodiazepine tổng hợp cực mạnh, có nguy cơ gây tình trạng hôn mê và suy hô hấp.

1.6. Nhóm Các Chất Phối Hợp Khác

- **Kratom (Mitragynine):** Một loại cây có nguồn gốc từ Đông Nam Á, được sử dụng như một chất giảm đau tự nhiên nhưng khi lạm dụng với liều cao có thể gây nghiện và các phản ứng tâm thần.
- **GHB (Gamma-Hydroxybutyrate):** Là một chất gây ức chế hệ thần kinh trung ương, có tác dụng như thuốc an thần và có khả năng gây nghiện cao.
- **MXE (Methoxetamine):** Một loại dissociative drug, có tác dụng tương tự như ketamine nhưng mạnh hơn, dễ gây ra các tình trạng loạn thần và hôn mê.

1.7. Các Hợp Chất Tương Tự LSD (Novel Lysergamides)

- **AL-LAD, 1P-LSD, ETH-LAD:** Các chất này có cấu trúc hóa học tương tự LSD, gây ra ảo giác mạnh và kéo dài, dễ dẫn đến tình trạng mất phương hướng và hoảng loạn.
- **LSZ:** Là một loại lysergamide tổng hợp gây ảo giác tương tự LSD nhưng ít được nghiên cứu, tác dụng phụ không thể đoán trước.

2. Các chất hướng thần mới

Các chất hướng thần mới (New Psychoactive Substances - NPS) là những hợp chất hóa học tổng hợp được phát triển để bắt chước tác động của các chất gây nghiện truyền thống như cocaine, MDMA và LSD. NPS xuất hiện vào đầu thế kỷ 21 và ngày càng đa dạng nhờ sự tiến bộ trong công nghệ hóa học. Các chất này được tạo ra với mục đích thay thế các chất ma túy truyền thống đã bị cấm, nhằm né tránh sự kiểm soát của pháp luật.

2.1. Mephedrone

2.1.1. Nguồn gốc của Mephedrone

Mephedrone, hay còn gọi là **4-methylmethcathinone (4-MMC)**, là một chất kích thích tổng hợp lần đầu xuất hiện vào đầu thế kỷ 21 và phổ biến tại châu Âu. Được phát triển với mục đích tạo ra một chất thay thế các loại ma túy cổ điển như MDMA và cocaine,

mephedrone nhanh chóng lan rộng nhờ cảm giác phấn khích và năng lượng tạm thời mà nó mang lại. Ban đầu, mephedrone thường được bán dưới dạng “**muối tắm**” để qua mặt luật pháp, nhưng hiện nay đã bị kiểm soát ở nhiều quốc gia do tác hại của nó.

2.1.2. Thành phần hóa học của Mephedrone

Mephedrone là một hợp chất tổng hợp thuộc nhóm cathinone, với công thức hóa học $C_{11}H_{15}NO$. Cathinone là một hợp chất kích thích tự nhiên có trong lá khat (một loại thảo mộc ở Đông Phi và bán đảo Ả Rập), nhưng mephedrone được biến đổi từ dạng tự nhiên thành một hợp chất tổng hợp mạnh hơn. Mephedrone hoạt động bằng cách **kích thích sự phóng thích dopamine và serotonin** trong não, tạo ra cảm giác hưng phấn và tăng năng lượng.

2.1.3. Dạng thương phẩm của Mephedrone

Mephedrone thường xuất hiện dưới nhiều dạng thương phẩm khác nhau:

- **Bột trắng hoặc bột màu:** Đây là dạng phổ biến nhất, có thể hít hoặc hòa tan trong nước.
- **Viên nén hoặc viên nang:** Một số viên nén mephedrone có vẻ ngoài tương tự như các viên thuốc lắc (MDMA), thường được sử dụng trong các buổi tiệc hoặc câu lạc bộ.
- **Dung dịch lỏng:** Mephedrone cũng có thể xuất hiện ở dạng dung dịch, dễ pha vào đồ uống và tiêu thụ mà không dễ nhận ra.

2.1.4. Cách dùng Mephedrone

Người dùng có thể sử dụng mephedrone qua nhiều phương pháp khác nhau:

- **Hít qua mũi:** Cách sử dụng phổ biến nhất, giúp mephedrone thẩm thấu nhanh vào máu và gây hiệu ứng tức thì.
- **Nuốt dưới dạng viên hoặc bột hòa tan:** Dạng viên nén hoặc bột hòa tan trong nước cũng được sử dụng phổ biến trong các bữa tiệc.
- **Tiêm chích:** Trong một số trường hợp lạm dụng nghiêm trọng, người dùng có thể hòa tan mephedrone để tiêm trực tiếp vào máu, gây ra tác động mạnh mẽ và nguy hiểm hơn.

2.1.5. Tác hại của Mephedrone lên cơ thể và tâm trí

Mephedrone có thể tạo ra cảm giác phấn khích và kích thích nhanh chóng, nhưng các tác hại mà nó mang lại cho sức khỏe là rất nghiêm trọng:

- **Ảo giác và rối loạn tâm thần:** Mephedrone gây ra cảm giác hưng phấn và kích thích mạnh, dễ dẫn đến các ảo giác, hoang tưởng và các hành vi không kiểm soát.
- **Tăng nhịp tim và huyết áp:** Sử dụng mephedrone thường xuyên dễ dẫn đến tình trạng tim đập nhanh, huyết áp cao và các vấn đề tim mạch nguy hiểm như đột quỵ hoặc suy tim.
- **Suy giảm trí nhớ và khả năng nhận thức:** Mephedrone gây tổn thương hệ thần kinh, làm suy giảm khả năng tư duy và trí nhớ.
- **Nguy cơ nghiện và lệ thuộc:** Với hiệu ứng mạnh và khả năng tạo ra cảm giác hưng phấn, mephedrone dễ gây nghiện và khiến người dùng tăng liều dần theo thời gian.



2.2. MDPV

2.2.1. Nguồn gốc của MDPV

MDPV, viết tắt của **Methylenedioxypyrovalerone**, là một chất kích thích tổng hợp được phát triển vào giữa thế kỷ 20. Ban đầu, MDPV được điều chế trong phòng thí nghiệm để

nghiên cứu về hệ thần kinh trung ương và những tác động tâm lý liên quan đến chất kích thích. Tuy nhiên, do khả năng gây hưng phấn mạnh mẽ, nó đã bị lạm dụng và trở thành một chất gây nghiện nguy hiểm được sử dụng ngoài mục đích y tế.

2.2.2. Thành phần hóa học của MDPV

MDPV là một hợp chất thuộc nhóm **cathinone**, với công thức hóa học là $C_{16}H_{21}NO_3$. Các cathinone như MDPV có cấu trúc tương tự amphetamine và cocaine, làm tăng đáng kể hoạt động của dopamine và norepinephrine trong não. MDPV gây ra trạng thái hưng phấn, tỉnh táo và tăng cường sự tập trung, nhưng đồng thời tạo ra những tác động phụ nghiêm trọng khi sử dụng lâu dài.

2.2.3. Dạng thương phẩm của MDPV

MDPV xuất hiện dưới nhiều dạng thương phẩm khác nhau:

- **Bột trắng hoặc bột màu:** Đây là dạng phổ biến nhất của MDPV, có thể được hít hoặc hòa tan trong nước để uống.
- **Viên nén hoặc viên nang:** Một số dạng viên chứa MDPV được chế biến để thuận tiện cho việc sử dụng tại các buổi tiệc hoặc câu lạc bộ.
- **Dung dịch lỏng:** Dạng dung dịch giúp người dùng dễ dàng trộn vào đồ uống để sử dụng mà không bị phát hiện.

2.2.4. Cách dùng MDPV

Người dùng MDPV có thể sử dụng qua nhiều phương pháp khác nhau:

- **Hít qua mũi:** Cách sử dụng phổ biến nhất, giúp chất này thẩm thấu nhanh vào máu và gây hiệu ứng tức thì.
- **Nuốt trực tiếp hoặc hòa tan trong đồ uống:** Dạng viên hoặc bột dễ hòa tan được nuốt trực tiếp để kéo dài thời gian tác động.
- **Tiêm chích:** Trong trường hợp nghiện nặng, MDPV có thể được hòa tan và tiêm trực tiếp vào máu, gây ra tác động mạnh mẽ và nhanh chóng, nhưng cũng nguy hiểm cao độ.

2.2.5. Tác hại của MDPV lên cơ thể và tâm trí

Mặc dù MDPV có thể tạo ra cảm giác hưng phấn nhất thời, nhưng các tác động của nó lên sức khỏe là rất đáng báo động:

- **Hoang tưởng và ảo giác mạnh:** MDPV có khả năng gây ảo giác, hoang tưởng, khiến người dùng mất kiểm soát và dẫn đến những hành vi nguy hiểm.
- **Nguy cơ rối loạn tâm thần và tự hủy hoại:** Nhiều người dùng MDPV gặp phải các triệu chứng tâm lý nghiêm trọng như hoang tưởng, lo lắng cực độ và có xu hướng tự làm tổn thương.
- **Tăng nhịp tim và huyết áp:** MDPV làm tăng nhịp tim và huyết áp, gây căng thẳng cho tim mạch và tăng nguy cơ đột quỵ.
- **Gây nghiện cao:** MDPV dễ gây nghiện do tác dụng mạnh lên dopamine, khiến người dùng phụ thuộc vào nó để đạt được cảm giác hưng phấn.



2.3. Poppers

2.3.1. Nguồn gốc của Poppers

Poppers là tên gọi phổ biến cho một nhóm hợp chất hóa học được phát triển vào cuối thế kỷ 19. Ban đầu, các hợp chất này được sử dụng trong y học với mục đích **giãn mạch máu** để điều trị các bệnh tim mạch, đặc biệt là đau thắt ngực. Vào những năm 1960, poppers

trở nên phổ biến ngoài mục đích y tế nhờ tác dụng kích thích ngắn hạn, tạo ra cảm giác hưng phấn nhanh chóng khi hít phải. Hiện nay, poppers được sử dụng rộng rãi trong các bữa tiệc và các sự kiện xã hội với mục đích giải trí.

2.3.2. Thành phần hóa học của Poppers

Poppers là tên gọi chung cho các **alkyl nitrite** như **amyl nitrite**, **butyl nitrite**, **isopropyl nitrite**, và **isobutyl nitrite**. Những hợp chất này có công thức hóa học khác nhau nhưng đều có khả năng làm giãn mạch máu, tăng lượng máu chảy đến não và cơ bắp, từ đó tạo ra cảm giác thư giãn và khoái cảm ngắn hạn. Các nitrite này cũng làm giảm huyết áp, có thể dẫn đến chóng mặt và cảm giác lâng lâng.

2.3.3. Dạng thương phẩm của Poppers

Poppers thường được bán dưới dạng **chai nhỏ chứa dung dịch lỏng**. Các chai này nhỏ gọn, dễ cầm tay và được bán trong các cửa hàng đặc biệt hoặc trực tuyến. Poppers có nhiều tên gọi hấp dẫn như **“Rush”, “TNT”, “Liquid Gold”** để thu hút người dùng.

2.3.4. Cách dùng Poppers

Poppers được sử dụng bằng cách **hít hơi** từ chai hoặc từ miệng chai để đạt tác dụng nhanh chóng. Khi hít phải, poppers tác động gần như tức thì, tạo ra cảm giác hưng phấn, thư giãn cơ bắp, và đôi khi là tăng khoái cảm tình dục. Tuy nhiên, hiệu ứng này chỉ kéo dài trong vài phút, do đó người dùng thường có xu hướng hít lại nhiều lần.

2.3.5. Tác hại của Poppers lên cơ thể và tâm trí

Mặc dù poppers mang lại cảm giác thư giãn nhanh chóng, tác động của nó lên sức khỏe rất đáng lo ngại, đặc biệt khi bị lạm dụng:

- **Giảm huyết áp đột ngột:** Poppers gây giãn mạch mạnh, dẫn đến tụt huyết áp đột ngột, gây chóng mặt, mất thăng bằng và có thể gây nguy hiểm nếu sử dụng nhiều lần.
- **Suy giảm thị lực:** Việc lạm dụng poppers đã được ghi nhận là có thể gây ra các vấn đề về thị giác, bao gồm mù màu và giảm tầm nhìn.
- **Tổn thương hệ thần kinh:** Poppers tác động mạnh lên hệ thần kinh, gây cảm giác hưng phấn nhưng đồng thời có nguy cơ gây tổn thương thần kinh, mất trí nhớ tạm thời và giảm khả năng tư duy.

- **Gây bỏng niêm mạc:** Poppers là hóa chất mạnh và có thể gây bỏng nếu tiếp xúc với da hoặc niêm mạc.
- **Nguy cơ tử vong khi kết hợp với các thuốc khác:** Poppers cực kỳ nguy hiểm nếu dùng cùng với các loại thuốc giãn mạch khác hoặc chất kích thích như viagra, vì có thể gây ngừng tim đột ngột.



2.4. Methcathinone

2.4.1. Nguồn gốc của Methcathinone

Methcathinone, còn gọi là **ephedrone**, là một chất kích thích tổng hợp có nguồn gốc từ **cathinone**, hợp chất tự nhiên được tìm thấy trong lá khat, một loại thảo dược mọc ở Đông Phi và bán đảo Ả Rập. Methcathinone lần đầu tiên được tổng hợp vào đầu thế kỷ 20, nhưng đến cuối thế kỷ, nó bắt đầu phổ biến ở nhiều nơi như một chất kích thích gây nghiện bất hợp pháp. Vì dễ sản xuất từ các thành phần hóa học đơn giản, methcathinone nhanh chóng lan rộng và trở thành một trong những chất kích thích bị lạm dụng trên toàn thế giới.

2.4.2. Thành phần hóa học của Methcathinone

Methcathinone là một hợp chất thuộc nhóm cathinone, với công thức hóa học $C_{10}H_{13}NO$. Về cấu trúc, methcathinone có các đặc tính hóa học tương tự như methamphetamine và các chất amphetamine khác, làm tăng đáng kể dopamine trong não và gây ra cảm giác hưng phấn, tỉnh táo và tăng cường năng lượng. Chính vì thế, methcathinone dễ gây nghiện cao và có tác động mạnh mẽ lên hệ thần kinh trung ương.

2.4.3. Dạng thương phẩm của Methcathinone

Methcathinone thường xuất hiện dưới dạng:

- **Bột màu trắng hoặc màu vàng nhạt:** Đây là dạng phổ biến nhất của methcathinone và thường được hít hoặc hòa tan trong nước để sử dụng.
- **Viên nén hoặc viên nang:** Đôi khi methcathinone được đóng viên để dễ dàng sử dụng và vận chuyển.
- **Dung dịch lỏng:** Ở dạng này, methcathinone có thể hòa tan vào nước hoặc các dung dịch khác, dễ sử dụng hơn.

2.4.4. Cách dùng Methcathinone

Methcathinone được sử dụng chủ yếu qua các phương pháp sau:

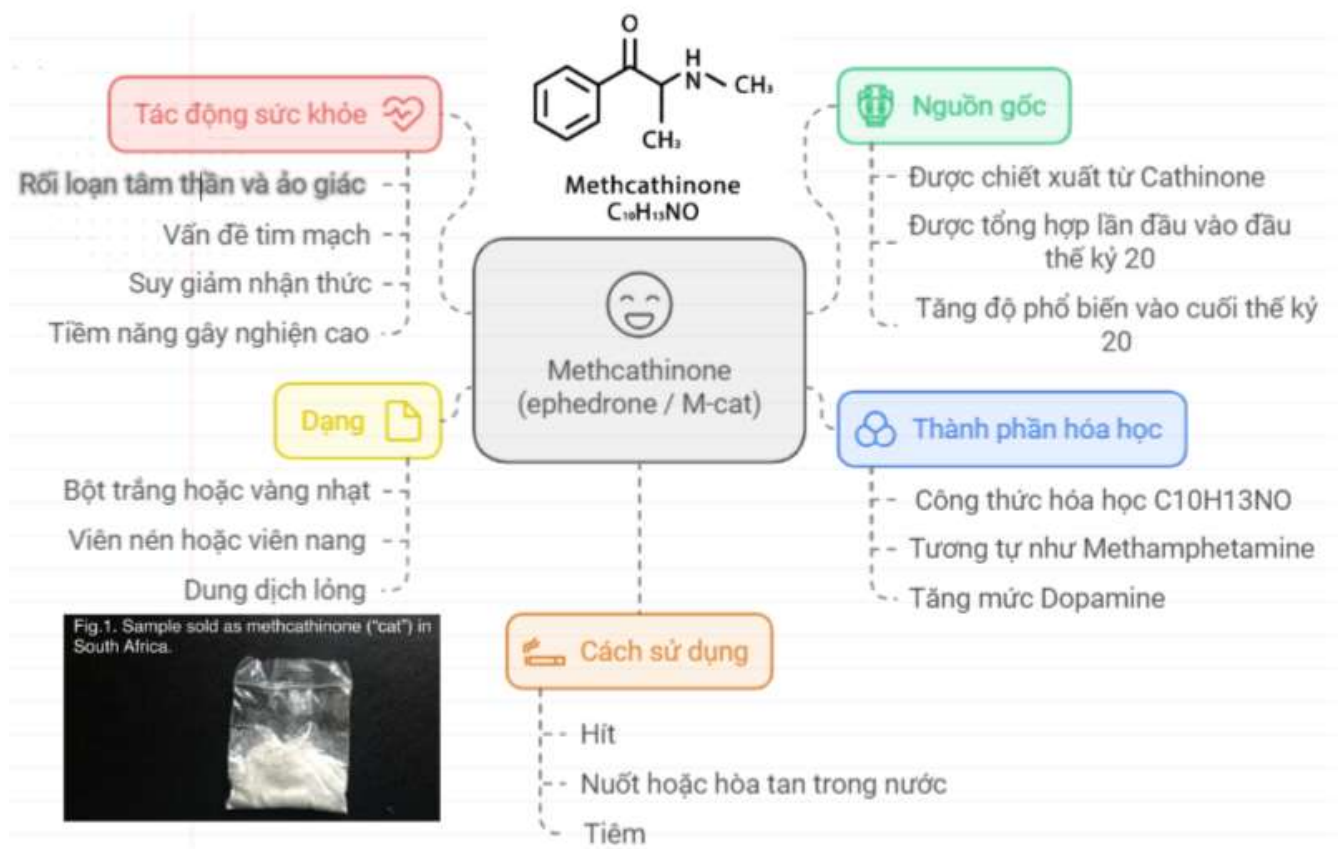
- **Hít qua mũi:** Đây là phương pháp phổ biến nhất, giúp methcathinone thẩm thấu nhanh chóng vào máu qua niêm mạc mũi.
- **Nuốt hoặc hòa tan trong nước:** Methcathinone dạng viên hoặc bột có thể được hòa tan trong nước rồi uống.
- **Tiêm chích:** Một số người nghiện methcathinone hòa tan nó trong nước và tiêm trực tiếp vào mạch máu, gây ra tác động tức thì và cực kỳ mạnh mẽ, nhưng cũng cực kỳ nguy hiểm.

2.4.5. Tác hại của Methcathinone lên cơ thể và tâm trí

Methcathinone có thể tạo ra cảm giác phấn khích và kích thích tức thì, nhưng tác hại của nó lên sức khỏe là rất nghiêm trọng:

- **Rối loạn tâm thần và ảo giác:** Methcathinone có thể gây ra hoang tưởng, ảo giác và các hành vi mất kiểm soát.

- **Suy giảm chức năng tim mạch:** Methcathinone làm tăng nhịp tim và huyết áp, gây nguy cơ đau tim và đột quỵ.
- **Suy giảm trí nhớ và nhận thức:** Methcathinone ảnh hưởng đến hệ thần kinh, làm suy giảm trí nhớ và khả năng tư duy khi sử dụng lâu dài.
- **Gây nghiện cao:** Methcathinone gây nghiện mạnh và người dùng dễ lệ thuộc vào cảm giác hưng phấn mà nó mang lại, dẫn đến tình trạng lạm dụng và phụ thuộc ngày càng cao.



2.5. Fentanyl

Theo C04, Bộ Công an, Fentanyl là một loại ma túy cực độc gây nghiện gấp 50 lần heroin, 100 lần moroc phin đã được phát hiện ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

2.5.1. Nguồn gốc của Fentanyl

Fentanyl được phát triển vào những năm 1960 bởi nhà hóa học Paul Janssen nhằm phục vụ mục đích y tế. Ban đầu, fentanyl được sử dụng trong các ca phẫu thuật để giảm đau và gây mê nhờ khả năng giảm đau mạnh gấp 50-100 lần so với morphine. Tuy nhiên, với tác

dụng nhanh và hiệu quả mạnh, fentanyl đã trở thành mục tiêu bị lạm dụng trong các trường hợp sử dụng ngoài y tế, gây ra nhiều cái chết do quá liều trên toàn cầu.

2.5.2. Thành phần hóa học của Fentanyl

Fentanyl là một **hợp chất tổng hợp thuộc nhóm opioid** với công thức hóa học $C_{22}H_{28}N_2O$. Giống như các opioid khác, fentanyl liên kết mạnh mẽ với các thụ thể opioid trong não, làm gián đoạn đường truyền của các tín hiệu đau và mang lại cảm giác thư giãn cực độ. Tác dụng của fentanyl nhanh và mạnh, nhưng cũng dễ dẫn đến tình trạng suy hô hấp và tử vong khi dùng sai liều lượng.

2.5.3. Dạng thương phẩm của Fentanyl

Fentanyl được sản xuất dưới nhiều dạng thương phẩm, phù hợp cho cả mục đích y tế và ngoài y tế:

- **Miếng dán giảm đau:** Được sử dụng cho bệnh nhân ung thư hoặc những người bị đau mãn tính, miếng dán fentanyl có thể giải phóng thuốc từ từ qua da.
- **Viên ngậm:** Fentanyl dạng viên ngậm giúp giảm đau nhanh chóng cho những bệnh nhân cần giảm đau ngay lập tức.
- **Dung dịch tiêm:** Sử dụng trong các trường hợp phẫu thuật hoặc điều trị đau cấp tính trong y tế.
- **Bột và dạng lỏng bất hợp pháp:** Fentanyl dạng bột hoặc lỏng bất hợp pháp thường được pha trộn vào các loại ma túy khác như heroin hoặc cocaine, khiến người dùng không biết về sự hiện diện của nó và dễ dẫn đến quá liều.

2.5.4. Cách dùng Fentanyl

Fentanyl được sử dụng theo nhiều cách khác nhau:

- **Qua miếng dán hoặc viên ngậm:** Cách này giúp giải phóng thuốc từ từ vào cơ thể qua da hoặc niêm mạc.
- **Tiêm trực tiếp vào máu:** Fentanyl dạng dung dịch có thể được tiêm trực tiếp vào máu để giảm đau nhanh.
- **Hít hoặc hòa tan:** Trong các trường hợp lạm dụng, fentanyl dạng bột có thể được hít hoặc hòa tan trong nước để sử dụng, gây ra hiệu ứng tức thì.

2.5.5. Tác hại của Fentanyl lên cơ thể và tâm trí

Fentanyl mang lại hiệu quả giảm đau tức thì, nhưng những tác hại mà nó gây ra khi bị lạm dụng rất nghiêm trọng:

- **Nguy cơ suy hô hấp cao:** Fentanyl làm suy giảm khả năng hô hấp, dễ dẫn đến ngưng thở và tử vong khi dùng sai liều.
- **Gây nghiện nhanh:** Với khả năng tạo cảm giác thư giãn mạnh, fentanyl dễ gây nghiện tâm lý và thể chất, khiến người dùng phụ thuộc và lạm dụng thuốc.
- **Rối loạn tâm lý:** Fentanyl có thể gây ra lo âu, trầm cảm và các triệu chứng tâm thần khác khi dùng trong thời gian dài.
- **Tương tác nguy hiểm với các chất khác:** Khi fentanyl được pha trộn vào các loại ma túy khác, người dùng có nguy cơ quá liều cao hơn nhiều do không biết về sự hiện diện của nó.

